

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2026/DS-PT
Ngày: 02-02-2026
V/v tranh chấp tranh chấp hợp đồng tín
dụng và hợp đồng thế chấp.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Yên

Bà Trần Thị Vân Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 270/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 54/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Xuân H – Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản uỷ quyền số 08/2025/UQ-KHCN ngày 03/9/2025); có mặt.

- Bị đơn: Anh Đoàn Thế N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã G, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Thị H1, Luật sư Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Năng P, sinh năm 1987 và chị Phạm Thị B, sinh năm 1986; cùng trú tại: Thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Đoàn Thế N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP V (viết tắt V1) trình bày:

Ngày 31/05/2021, V1 với anh Đoàn Thế N có ký Hợp đồng cho vay số: LN2105213774419 về việc V1 cho anh N vay số tiền 500.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*); thời hạn vay: 84 tháng (từ ngày 02/06/2021 đến ngày 02/06/2028). Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn mở rộng/phát triển kinh doanh với thành phẩm. Lãi suất cho vay trong hạn: 8%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất cơ sở VNĐ của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm, phạt chậm trả lãi 10%/năm. Thời hạn trả nợ: Nợ gốc được trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/7/2021, tổng cộng 84 kỳ. Nợ lãi trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/7/2021, tổng cộng 84 kỳ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng cho vay số: LN2105213774419 ngày 31/05/2021 là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 19, có địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng) được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 729336, theo hợp đồng thế chấp số công chứng 1085, quyền số 03-2021 TP/CC-SCC/HĐGD, do văn phòng C chứng nhận ngày 31/05/2021. Ngày 02/06/2021, V1 đã giải ngân cho anh Đoàn Thế N theo giấy đề nghị giải ngân bên thụ hưởng là Lương Thị Ngọc H2 số tài khoản: 0341007001740 tại ngân hàng V2 với số tiền 500.000.000 đồng. Quá trình thực hiện, anh N đã thanh toán cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 09/09/2025 là: Nợ gốc: 19.840.000 đồng; Nợ lãi: 12.220.128 đồng. Tổng cộng: 32.060.128 đồng. Tạm tính đến ngày 09/09/2025, dư nợ của anh Đoàn Thế N tại V1 đối với khoản tín dụng này là: Nợ gốc: 480.160.000 đồng; Nợ lãi: 330.882.956 đồng; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 68.413.300 đồng. Tổng cộng: **879.456.256** đồng.

Ngày 09/06/2021, V1 với anh Đoàn Thế N ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử với số tiền nhận nợ: 78.000.000 đồng (*bằng chữ: Bảy mươi tám triệu đồng*); Thời hạn vay: 36 tháng; từ ngày 10/6/2021 đến ngày 15/05/2024. Mục đích sử dụng vốn: Mua đồ gia dụng. Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định V1 - 21% điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ tối đa là 12%, phạt chậm trả lãi 10%. Thời hạn trả nợ: Nợ gốc: Trả định kỳ 1 tháng/1 lần vào ngày 15 hàng tháng. kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/7/2021, tổng cộng 36 kỳ. Nợ lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15

hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/7/2021, tổng cộng 36 kỳ. Căn cứ hợp đồng đã ký, phương thức sử dụng vốn ngày 10/06/2021 V1 đã giải ngân cho anh Đoàn Thế N số tiền 78.000.000 đồng vào tài khoản 227510994 tại ngân hàng V1. Quá trình thực hiện, anh N đã thanh toán cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 09/09/2025 là: nợ gốc: 37.475.601 đồng; nợ lãi: 7.938.783 đồng. Tổng cộng: 45.414.384 đồng. Tạm tính đến ngày 09/09/2025, dư nợ của anh Đoàn Thế N tại V1 đối với khoản tín dụng này là: Nợ gốc: 40.524.399 đồng; Nợ lãi: 59.035.683 đồng; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 13.066.150 đồng. Tổng cộng: **112.626.150** đồng.

Ngoài ra ngày 01/11/2021, V1 với anh Đoàn Thế N còn ký Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2110114478729 về việc V1 cho anh N vay số tiền 168.000.000 đồng (*bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*); Thời hạn vay: 12 tháng; từ ngày 05/11/2021 đến ngày 05/11/2022. Mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn phục vụ kinh doanh với thành phẩm. Lãi suất cho vay trong hạn: 8%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất cơ sở VNĐ của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm, phạt chậm trả lãi 10%/năm. Thời hạn trả nợ: Nợ gốc: Trả cuối kỳ vào ngày cuối cùng của thời hạn hợp đồng. Nợ lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2021, tổng cộng 12 kỳ. Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2110114478729 ngày 01/11/2021 là xe ô tô mang BKS 34C-167.02 số khung F1D4GCM00290; số máy 24P16F003456 có chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037753 do phòng C1 công an tỉnh H cấp ngày 08/02/2017 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2011052982634 do văn phòng C chứng nhận ngày 09/11/2020. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 05/11/2021 V1 đã giải ngân cho anh Đoàn Thế N theo giấy đề nghị giải ngân, khế ước nhận nợ ngày 01/11/2021. Thụ hưởng nhận tiền mặt trực tiếp cho bên vay số tiền 168.000.000 đồng. Đối với hợp đồng cho vay này, anh N đã thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc: 168.000.000 đồng; Nợ lãi: 1,472,877 đồng. Tổng cộng: 169.472.877 đồng. Ngân hàng đã chấp thuận giải chấp xe ô tô cho khách hàng và đã hỗ trợ gửi thông báo cho phòng C1 Công an tỉnh H để khách hàng có thể làm thủ tục mua bán được. Tạm tính đến ngày 09/09/2025, dư nợ của anh Đoàn Thế N tại V1 đối với khoản tín dụng này là: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi: 38.372.581 đồng; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 11.636.077 đồng. Tổng cộng: **48.915.303** đồng.

Do anh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng đã có thông báo về việc chuyển toàn bộ khoản vay của khách hàng sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/01/2022. Nay ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực A Hải Phòng buộc anh Đoàn Thế N phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2025 tổng là: **1.042.091.145 đồng** (*Một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu không trăm chín mươi một nghìn một trăm bốn mươi năm đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 520.684.399 đồng; Nợ lãi: 428.291.220 đồng; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 93.115.527 đồng. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả theo đúng thỏa

thuận trong hợp đồng cho vay số LN2105213774419 ký ngày 31/05/2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 09/06/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2110114478729 ký ngày 01/11/2021 và các tài liệu giải ngân kèm theo cho đến ngày anh Đoàn Thế N thanh toán được hết các khoản nợ cho V1. Trường hợp anh N không trả được nợ thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 183; tờ bản đồ số: 19, có địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng). Trường hợp số tiền thu được về việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho ngân hàng thì anh N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ theo quyết định của bản án.

Tại đơn trình bày, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Thế N trình bày:

Giữa anh và Ngân hàng TMCP V có ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay, chữ ký, chữ viết và điểm chỉ trong các văn bản này là của anh. Đối với hợp đồng cho vay số: LN2105213774419, tại bản phô tô trích lục thanh toán trả gốc, lãi mà anh nộp thể hiện số tiền vay 303.584.000 đồng trong khi số tiền nhận nợ là 500.000.000 đồng, số tiền Ngân hàng khởi kiện là 520.684.399 đồng nên anh đề nghị Tòa án xem xét, làm rõ trong cùng một khoản vay số tiền không thống nhất nhau. Đối với giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ, anh đề nghị làm rõ số tiền được giải ngân vào tài khoản nào, ai là người trả số tiền gốc, lãi. Đối với hợp đồng cho vay hạn mức số LN2110114478729, anh xác định đã trả toàn bộ gốc, lãi nhưng ngân hàng vẫn khởi kiện anh là vi phạm. Bên cạnh đó ngân hàng căn cứ vào hợp đồng thế chấp LN2011052982634 để gửi Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh H giải tỏa chiếc xe được thế chấp tại ngân hàng là sai hồ sơ, sử dụng tiền của anh vào mục đích khác, có dấu hiệu cố ý làm sai lệch hồ sơ nhằm chiếm đoạt tài sản. Do vậy, anh đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Năng P trình bày:

Vợ chồng anh và anh N có quan hệ là bạn bè, để làm tin cho khoản tiền 200.000.000 đồng vay của anh N, hai bên có thỏa thuận việc vợ chồng anh chuyển nhượng lại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng), khi nào anh có tiền trả thì anh N phải có trách nhiệm sang tên lại thửa đất trên. Việc chuyển nhượng là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản có chứng thực của Văn phòng C2. Đến ngày 05/11/2019 thửa đất được sang tên cho anh N. Nay ngân hàng khởi kiện, anh đề nghị được gặp anh N và ngân hàng để các bên có sự thống nhất, anh mong muốn được trả nợ thay cho anh N đối với khoản vay 500.000.000 đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Tuy nhiên, nay số nợ gốc và lãi quá lớn nằm ngoài khả năng của anh nên quan hệ vay mượn, chuyển nhượng giữa vợ chồng anh và anh N, anh sẽ khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác. Mọi ý kiến trình

bày của anh cũng là ý kiến trình bày của vợ anh chị Phạm Thị B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1).

*1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Đoàn Thế N phải trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (23/9/2025) tổng là **1.047.461.447 đồng** (Một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc: 520.684.399 đồng; Nợ lãi: 431.847.290 đồng; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 94.929.758 đồng.*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Đoàn Thế N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng, các giấy nhận nợ đã ký kết.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Nghĩa vụ trả nợ của anh Đoàn Thế N được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 183; tờ bản đồ số 19, có địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN729336, do UBND huyện G, tỉnh Hải Dương cấp ngày 21/3/2014 đứng tên anh Phạm Năng P và chị Phạm Thị B, đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên và môi trường huyện G, tỉnh Hải Dương xác nhận nội dung thay đổi về việc anh Đoàn Thế N nhận toàn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/11/2019.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Đoàn Thế N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để bảo đảm của khoản vay và để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Vợ chồng anh Phạm Năng P, chị Phạm Thị B và anh Đoàn Thế N có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp nói trên cho Ngân hàng V1 khi có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp, đối trừ đi các khoản nợ phải thanh toán, nếu số tiền thu từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ trên thì anh Đoàn Thế N phải có trách nhiệm thanh toán hết cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn thiếu, nếu thừa thì trả lại cho người có tài sản thế chấp.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 20 tháng 10 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng nhận được đơn kháng cáo của anh Đoàn Thế N, kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất trình bày: Đối với khoản tiền 78.000.000 đồng theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ, anh N không nhận được khoản tiền này, anh đề nghị làm rõ số tiền được giải ngân vào tài khoản nào, ai là người trả số tiền gốc, lãi. Đối với hợp đồng cho vay hạn mức số LN2110114478729, anh xác định đã trả toàn bộ gốc, lãi nhưng ngân hàng vẫn khởi kiện anh là vi phạm. Anh N đã nộp đủ tiền để giải chấp chiếc xe ô tô, song Ngân hàng không giải chấp xe mà sử dụng tiền của anh vào mục đích khác.

Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Đối với khoản tiền 200.000.000 đồng anh N nộp để thanh toán, Ngân hàng đã trừ vào nợ gốc khoản 168.000.000 đồng, còn lại khoản tiền 32.000.000 đồng trừ vào khoản nợ gốc 78.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu anh Đoàn Thế N thanh toán và thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký kết. Anh N hiện đang cư trú tại thôn B, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã G, thành phố Hải Phòng). Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 Hải Phòng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo. Xét kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn quy định của pháp luật, nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn:

[3] Xét các hợp đồng tín dụng:

[3.1] Giữa Ngân hàng TMCP V (V1) và anh Đoàn Thế N ngày 31/5/2021 có ký Hợp đồng cho vay số LN2105213774419, theo đó V1 cho anh N vay số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*); thời hạn vay 84 tháng (từ ngày 02/06/2021 đến ngày 02/06/2028). Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn mở rộng/phát triển kinh doanh với thành phẩm. Lãi suất cho vay trong hạn: 8%/năm điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất cơ sở VNĐ của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm, phạt chậm trả lãi 10%/năm. Thời hạn trả nợ: Nợ gốc được trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/7/2021, tổng cộng 84 kỳ. Nợ lãi trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/7/2021, tổng cộng 84 kỳ.

[3.2] Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/06/2021 mà hai bên đã ký kết thì V1 đã tiến hành thẩm định và chấp thuận cho anh Đoàn Thế N vay số tiền 78.000.000 đồng (*bằng chữ: Bảy mươi tám triệu đồng*); Thời hạn vay: 36 tháng; từ ngày tiếp theo của ngày V1 giải ngân vốn vay đầu tiên cho khách hàng (ngày 10/6/2021 đến ngày 15/05/2024). Mục đích sử dụng vốn: Mua đồ gia dụng. Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định V1 tối đa 21%. Thời hạn trả nợ: Nợ gốc: Trả định kỳ 1 tháng/1 lần vào ngày 15 hàng tháng. kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/7/2021, tổng cộng 36 kỳ. Nợ lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/7/2021. Nội dung này phù hợp với ý thức của khách hàng trong việc trả nợ gốc, lãi cho khách hàng tại các ngày 15/8/2021, 16/8/2021, 15/10/2021, 15/11/2021, 15/12/2021.

[3.3] Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2110114478729 theo đó V1 cho anh N vay số tiền 168.000.000 đồng (*bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*); Thời hạn vay: 12 tháng; từ ngày 05/11/2021 đến ngày 05/11/2022. Mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn phục vụ kinh doanh với thành phẩm. Lãi suất cho vay trong hạn: 8%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất cơ sở VNĐ của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm, phạt chậm trả lãi 10%/năm. Thời hạn trả nợ: Nợ gốc: Trả cuối kỳ vào ngày cuối cùng của thời hạn hợp đồng. Nợ lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2021, tổng cộng 12 kỳ.

[3.4] Việc ký kết hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng với anh Đoàn Thế N là tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi

dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 116, 117, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, các Hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[4] Quá trình thực hiện, ngân hàng đã thực hiện giải ngân số tiền cho vay theo thỏa thuận. Cụ thể: Ngày 02/06/2021 đã giải ngân cho anh Đoàn Thế N theo giấy đề nghị giải ngân bên thụ hưởng là Lương Thị Ngọc H2 số tài khoản: 0341007001740 tại ngân hàng V2 với số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 05/11/2021 V1 đã giải ngân cho anh Đoàn Thế N theo giấy đề nghị giải ngân, khế ước nhận nợ ngày 01/11/2021, thụ hưởng nhận tiền mặt trực tiếp cho bên vay số tiền 168.000.000 đồng. Ngày 10/06/2021 đã giải ngân cho anh Đoàn Thế N số tiền 78.000.000 đồng vào tài khoản 227510994 tại ngân hàng V1. Bị đơn cho rằng không có khoản vay 78.000.000 đồng. Tuy nhiên, tài liệu trong hồ sơ thể hiện bị đơn đã ký vào bản Phương án sử dụng vốn ngày 03/6/2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/06/2021, khoản tiền trên đã được chuyển vào tài khoản của bị đơn mở tại Ngân hàng. Do đó không có căn cứ chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, V1 yêu cầu Tòa án buộc anh N phải trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC: *"Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt qua mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả **lãi trên nợ gốc trong hạn**"* (nội dung này cũng phù hợp với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2). V1 áp dụng lãi phạt chậm trả lãi đối với cả khoản tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là không phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ hướng dẫn nêu trên chỉ chấp nhận tiền lãi phạt chậm trả lãi là 10% đối với số tiền lãi trong hạn của 03 khoản vay là 16.470.369 đồng (14.014.605 đồng + 1.141.480 đồng + 1.314.284 đồng), tương ứng với tiền lãi phạt chậm trả lãi = 16.470.369 đồng x 10%/365 ngày x 1.348 ngày (thời gian chậm trả tính từ ngày 15/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2025) = 6.082.755 đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ số tiền phạt chậm trả lãi 94.929.758 đồng theo yêu cầu của V1 là không phù hợp. Do đó, cần cần sửa lại số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền lãi đối với số tiền lãi chậm trả mà bị đơn phải trả nguyên đơn, cụ thể như sau:

[5.1] Đối với khoản vay 500.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số LN2105213774419: Trên cơ sở thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay, các Quyết định điều chỉnh lãi suất của V1, B1 kê tính lãi của V1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định số tiền bị đơn phải trả cho Ngân hàng gồm: tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, tiền nợ lãi 346.135.742 đồng (lãi trong hạn + lãi quá hạn) và

tiền lãi phạt chậm trả lãi 5.175.805 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho V1 19.840.000 đồng tiền nợ gốc, 12.220.128 đồng nợ lãi. Vì vậy bị đơn còn phải thanh toán cho V1 480.160.000 đồng tiền nợ gốc, 333.915.614 đồng tiền nợ lãi (lãi trong hạn + lãi quá hạn) và 5.175.805 đồng tiền lãi phạt chậm trả lãi.

[5.2] Đối với khoản vay 168.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số LN2110114478729: Trên cơ sở thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay, các Quyết định điều chỉnh lãi suất của V1, B1 kê tính lãi của V1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định số tiền bị đơn phải trả cho Ngân hàng gồm tiền nợ gốc 168.000.000 đồng, tiền nợ lãi 39.845.458 đồng (lãi trong hạn + lãi quá hạn) và tiền lãi phạt chậm trả lãi 421.566 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho V1 tiền nợ gốc 168.000.000 đồng, nợ lãi 1.472.877 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc được thanh toán vào ngày 24/4/2023 trên cơ sở khách hàng nộp 200.000.000 đồng (nộp thông qua bên thứ ba) vào tài khoản số 249313122 chủ sử dụng Đoàn Thế N tại V1 để trả nợ và giải chấp xe ô tô biển kiểm soát 34C-167.02. Ngày 25/4/2023, V1 đã hạch toán, thu nợ gốc số tiền 168.000.000 đồng của Hợp đồng số LN2105213774419 số tiền còn lại là 32.000.000 đồng được V1 trừ vào tiền nợ gốc của anh N đối với khoản vay 78.000.000 đồng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ (Do anh N có 03 khoản vay tại V1 bị chuyển nợ quá hạn nên việc ngân hàng U khấu trừ nợ gốc của các khoản vay là đảm bảo đúng thứ tự ưu tiên thanh toán theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 sửa đổi bổ sung Điều 18 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, tổ chức tín dụng thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau*"). Như vậy, đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN2110114478729 anh N đã thanh toán xong toàn bộ 168.000.000 đồng nợ gốc và thanh toán được 1.472.877 đồng nợ lãi; vì vậy bị đơn còn phải thanh toán cho V1 0 đồng tiền nợ gốc, 38.372.581 đồng tiền nợ lãi (lãi trong hạn + lãi quá hạn) và 421.566 đồng tiền lãi phạt chậm trả lãi.

[5.3] Đối với khoản vay 78.000.000 đồng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ: Trên cơ sở thỏa thuận của các bên, các Quyết định điều chỉnh lãi suất của V1, B1 kê tính lãi của V1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định số tiền bị đơn phải trả cho Ngân hàng đối với khoản vay này gồm: tiền nợ gốc 78.000.000 đồng, tiền nợ lãi 63.899.544 đồng (lãi trong hạn + lãi quá hạn) và tiền lãi phạt chậm trả lãi 485.385 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho V1 số nợ gốc 42.064.895 đồng (trong đó có 32.000.000 đồng được trích từ số tiền 200.000.000 đồng bị đơn trả Ngân hàng vào ngày 24/3/2025) và thanh toán 7.938.783 đồng nợ lãi. Vì vậy bị đơn còn phải thanh toán cho V1 35.935.105 đồng tiền nợ gốc, 55.960.761 đồng tiền nợ lãi (lãi trong hạn + lãi quá hạn) và 485.385 đồng tiền lãi phạt chậm trả lãi.

[6] Xét hợp đồng thế chấp:

[6.1] Về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật do đó Hợp đồng thế chấp có hiệu lực đối với các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[6.2] Về tài sản thế chấp:

[6.2.1] Ngày 24/4/2023 khách hàng và bên thứ ba nộp tiền vào tài khoản số 249313122 của anh Đoàn Thế N tại ngân hàng V1 số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 25/4/2023 ngân hàng đã hạch toán thu nợ gốc số tiền 168.000.000 đồng và giải chấp trả lại đăng ký xe cho anh Đoàn Thế N là đúng quy định. Theo thỏa thuận để đảm bảo cho khoản vay của mình ngoài việc thế chấp xe ô tô, anh N còn thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 19, có địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng) được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 729336 mang tên Đoàn Thế N.

[6.2.2] Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Năng P và chị Phạm Thị B cho rằng trước đây tài sản trên là của vợ chồng anh chị, do vợ chồng anh chị có vay của anh N số tiền 200.000.000 đồng, nên hai bên có thỏa thuận là vợ chồng anh P sẽ chuyển nhượng thửa đất trên cho anh N, trên thực tế vợ chồng anh P vẫn ở trên nhà đất, chưa bàn giao nhà đất cho anh N. Nay vợ chồng anh P mong muốn được trả khoản tiền gốc và một phần lãi của Hợp đồng cho vay số: LN2105213774419 ngày 31/5/2021 (số tiền vay 500.000.000 đồng) thay cho anh N để Ngân hàng giải chấp tài sản thế chấp và anh N sang tên lại cho vợ chồng anh chị. Tuy nhiên ngân hàng không đồng ý. Anh P có quan điểm sẽ làm đơn khởi kiện anh N để đòi lại mảnh đất trên. Tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã giải thích, song anh P, chị B không yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất giữa vợ chồng anh với anh N vô hiệu. Sau khi nhận chuyển nhượng anh N đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với đất và tài sản trên đất. Do vậy đất và tài sản trên đất đã thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh N.

[6.2.3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp số LN2105213774419 ngày 31/05/2021 thì tài sản thế chấp là thửa đất số 183 và các tài sản trên đất đều tài sản đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của anh N đối với Ngân hàng. Do đó, trường hợp anh N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V1 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ.

[7] Từ các phân tích nêu trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Đoàn Thế N về việc huỷ bản án sơ thẩm.

[8] Tuy nhiên như đã phân tích ở trên do việc Ngân hàng tính lãi chậm trả 10% đối với cả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC và điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 do đó cần sửa lại số tiền

mà bị đơn phải trả cho Ngân hàng đối với 03 khoản vay cụ thể như sau: Nợ gốc là 516.095.105 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 428.248.956 đồng; tiền lãi phạt chậm trả lãi là 6.082.756 đồng; tổng cộng là 950.426.817 đồng.

[9] Về án phí dân sự:

[9.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa lại số tiền anh N phải trả Ngân hàng nên đồng thời cũng phải sửa lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh N phải chịu là 40.512.805 đồng, V1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 4.851.732 đồng.

[9.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 271, Điều 273; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 116, 117, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 500, Điều 501, Điều 502 của Bộ Luật dân sự; khoản 3 Điều 167; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đoàn Thế N; sửa Bản án sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1):

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Đoàn Thế N phải trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (23/9/2025) tổng là 950.426.817 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 516.095.105 đồng; Nợ lãi: 428.248.956 đồng; tiền lãi phạt chậm trả lãi 6.082.756 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Đoàn Thế N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng, các giấy nhận nợ đã ký kết.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh Đoàn Thế N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 183; tờ bản đồ số 19, có địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN729336, do UBND huyện G, tỉnh Hải Dương cấp ngày 21/3/2014 đứng tên anh Phạm Năng P và chị Phạm Thị B, đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên và môi trường huyện G, tỉnh Hải Dương xác nhận nội dung thay đổi về việc anh Đoàn Thế N nhận toàn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/11/2019.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Đoàn Thế N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để bảo đảm của khoản vay và để xử lý thu hồi nợ cho N1 hàng.

Vợ chồng anh Phạm Năng P, chị Phạm Thị B và anh Đoàn Thế N có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp nói trên cho Ngân hàng V1 khi có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp, đối trừ đi các khoản nợ phải thanh toán, nếu số tiền thu từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ trên thì anh Đoàn Thế N phải có trách nhiệm thanh toán hết cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn thiếu, nếu thừa thì trả lại cho người có tài sản thế chấp.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Đoàn Thế N có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.200.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Thế N phải chịu 40.512.805 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

V1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 4.851.732 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.772.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000582 ngày 22/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là Thi hành án dân sự khu vực 11 Hải Phòng), V1 được trả lại số tiền là 14.920.268 đồng.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đoàn Thế N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại anh Đoàn Thế N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0004453, ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, khoản tiền này được trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp, anh Đoàn Thế N còn phải nộp 40.212.805 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND khu vực 11-Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11- Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Dương Đặng Minh Hạnh

Bùi Thị Thúy Hà